

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2020

V/v tranh chấp:

“Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mạc Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Dương Công M, sinh năm 1982

HKTT: xóm C, xã H, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Bị đơn: chị Lê Thị L, sinh năm 1988

HKTT: xóm C, xã H, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Tạm trú: Ấp T, xã H 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

(có mặt anh M, vắng mặt chị L - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Dương Công M trình bày: anh và chị Lê Thị L kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên), Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm ăn tại ấp T, xã H 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (gia đình bố mẹ chị L sinh sống ở đây). Đến năm 2011 vợ chồng chuyển ra ngoài bắc, chung sống cùng bố mẹ để anh khoảng 1 năm thì thuê nhà trọ ở, lý do vợ chồng ra ngoài làm ăn, thuê nhà ở để tiện đi lại. Đầu năm 2013 vợ chồng lại tiếp tục vào Đồng Nai làm ăn cho đến đầu năm 2017 vợ chồng ly thân thì anh chuyển hẳn về nhà bố mẹ để sống cho đến nay.

Về tình cảm vợ chồng: thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ năm 2014 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc làm ăn kinh tế vợ chồng không có điểm chung dẫn đến hay xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng hơn từ năm 2017 và ly thân cho đến nay.

Từ khi vợ chồng ly thân, anh đã đi đón chị L 2 lần ra ngoài bắc để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L không ra, liên tục giục anh làm đơn ly hôn, chị L nói sẽ không ra bắc, không muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên anh đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Dương Công V, sinh ngày 26/01/2010. Con chung có nguyện vọng được ở với mẹ, anh đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Tài sản chung, công nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Lê Thị L trình bày: chị và anh Dương Công M tự nguyện chung sống, có kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Chị đồng ý ly hôn với anh M vì vợ chồng đã ly thân được 8 năm, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L không yêu cầu Tòa án hòa giải, xin vắng mặt tại các buổi làm việc và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Dương Công V, sinh ngày 26/01/2010, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về Luật áp dụng: Áp dụng điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 266 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

Đề nghị:

- Về hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Dương Công M, cho anh M được ly hôn được ly hôn chị L.

- Về con chung: Giao con chung Dương Công V, sinh ngày 26/01/2010 cho chị Luyện nuôi dưỡng. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh M, chị L.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: căn cứ điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Dương Công M và chị Lê Thị L có hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã H, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, anh M có đơn khởi kiện ly hôn đối với chị L. Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39 BLTTDS năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh chị là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: anh Dương Công M và chị Lê Thị L kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn, do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.1]. Về quan hệ vợ chồng: Theo trình bày của anh M, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, làm ăn kinh tế không tập trung. Chị L xác định vợ chồng ly thân đã 8 năm, không còn quan tâm đến nhau. Do anh chị cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng, đồng ý ly hôn và thực tế

cũng đã không chung sống nhiều năm, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của anh chị.

[2.2]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Dương Công V, sinh ngày 26/01/2010. Từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị L nuôi dưỡng. Chị L đề nghị được nuôi con chung, anh M nhất trí, như vậy cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung khi Tòa án hỏi ý kiến, do vậy cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi chị L có yêu cầu.

[2.3]. *Về tài sản chung và các khoản nợ chung, cho vay chung*: anh chị xác định đều không có.

[3]. *Về án phí*: Anh M phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56, điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Công M đối với chị Lê Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: anh Dương Công M được ly hôn chị Lê Thị L.

2. *Về con chung*: Giao con chung Dương Công V, sinh ngày 26/01/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi chị Luyến có yêu cầu.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung*: đều không có

4. *Về án phí*: anh Dương Công M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004793 ngày 22/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh M, vắng mặt chị L tại phiên tòa. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án.

Nơi nhận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã H;
- Dương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng